

Bản án số : 06/2022/HNGĐ-ST

Ngày : 30/5/2022

V/v : “Ly hôn”.

N DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN N DÂN QUẬN P THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Phạm Thị Minh Thảo

Các Hội thẩm N dân : 1/- Bà Nguyễn Thị Xuyên

2/- Bà Đặng Thị Ngọc Hằng

Thư ký phiên tòa : Bà Lê Thủy Trang – Thư ký Tòa án N dân Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhận dân Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa : Bà Lê Thị Tuyết Sương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án N dân Quận P, Tp. Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn N gia đình thụ lý số 995/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2020 về “Ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 08/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự :

Nguyên đơn : Bà Phạm Huỳnh Như T sinh năm 198x.

Địa chỉ : 031 Lô I, Chung cư N, Phường X, Quận Y, Thành Phố H
(có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn : Ông Nguyễn Trọng N sinh năm 198x.

Địa chỉ : 113/118 Đường T, Phường Z, Quận P, Thành Phố H.

Địa chỉ liên lạc : Đường T, Phường Z, Quận P, Thành Phố H (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phạm Huỳnh Như T trình bày : bà và ông Nguyễn Trọng N tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 082 do Ủy ban N dân Phường X, Quận Y, cấp ngày dd/mm/yy. Quá trình chung sống có một con chung tên Phạm Ngọc M Y sinh ngày dd/mm/yy. Khi mới kết hôn hai bên đã xảy ra mâu thuẫn, ông N đã bỏ đi từ đó đến nay không về nhà và không chăm sóc thăm nom con chung. Bà xác nhận vợ chồng không còn tình cảm, không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn N không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với ông N .

Về con chung: một con chung là Phạm Ngọc M Y sinh ngày 28/01/2000 bà yêu cầu được trực tiếp giữ nuôi, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung : Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai bị đơn ông Nguyễn Trọng N trình bày ông xác nhận cuộc sống hai vợ chồng khi mới kết hôn đã xảy ra mâu thuẫn, ông đã không sống chung với bà T từ đó đến nay. Ông xác định tình cảm hai bên không còn, không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn N không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà T ông đồng ý. Do mâu thuẫn trầm trọng nên ông không muốn gặp lại bà T và yêu cầu không hòa giải.

Về con chung: có một con chung là Phạm Ngọc M Y sinh ngày 28/01/2000 ông đồng ý giao cho bà T được trực tiếp giữ nuôi. Việc cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung : Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay :

Nguyên đơn bà Phạm Huỳnh Như T và bị đơn ông Nguyễn Trọng N có đơn xin xét xử vắng mặt, nội dung đơn giữ nguyên yêu cầu ly hôn; về con chung là Phạm Ngọc M Y sinh ngày 28/01/2000 giao cho bà T được trực tiếp giữ nuôi. Việc cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết; không yêu cầu giải quyết về tài sản.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến : Quá trình giải quyết, thu thập chứng cứ và tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng qui định của pháp luật; Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

[1]. *Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và thủ tục tố tụng :*

[1.1] Nguyên đơn bà Phạm Huỳnh Như T yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Trọng N có nơi cư trú tại Quận P, do đó căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, là vụ án tranh chấp về Hôn N và Gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án N dân Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.3] Về thủ tục xét xử vắng mặt: bị đơn ông Nguyễn Trọng N đã được tổng đạt hợp lệ các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được. Nguyên đơn bà Phạm Thị Ngọc Phượng và bị đơn ông Nguyễn Trọng N có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án N dân Quận P tiến hành xét xử vắng mặt bà Phạm Huỳnh Như T và ông Lê Trọng N .

[2]. *Xét yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy :*

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 082 do Ủy ban N dân Phường X, Quận Y, cấp ngày 29/10/2019 thể hiện quan hệ hôn N giữa bà Phạm Huỳnh Như T và ông Lê Trọng N là hôn N hợp pháp.

[2.1]. *Xét yêu cầu ly hôn :*

- Tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bà Phạm

Huỳnh Như T xác nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, ông N đã bỏ đi từ sau khi kết hôn đến nay, hai bên không thể hòa giải để hàn gắn hạnh phúc chứng tỏ vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng.

- Tại bản tự khai, đơn xin giải quyết vắng mặt ông Nguyễn Trọng N xác nhận cuộc sống hai vợ chồng khi mới kết hôn đã xảy ra mâu thuẫn, ông đã không sống chung với bà T từ đó đến nay. Ông xác định tình cảm hai bên không còn, không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn N không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà T ông đồng ý.

Do hai bên đã không chung sống từ sau khi kết hôn đến nay cho thấy vợ chồng không có điều kiện quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình được quy định tại Điều 19 Luật Hôn N và gia đình về quyền và nghĩa vụ vợ chồng. Ông N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo hòa giải và giấy triệu tập nhưng không đến Tòa án hòa giải với bà T để đoàn tụ gia đình.

Từ những nhận định trên, xét mâu thuẫn giữa bà T và ông N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn N không đạt được. Căn cứ vào quy định tại Điều 51, Điều 54, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn N và gia đình nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[2.2]. *Về con chung* : có một con chung là Phạm Ngọc M Y sinh ngày 28/01/2000 bà T và ông N cùng đồng ý giao con chung cho bà T được trực tiếp giữ nuôi, việc cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận giao con chung cho bà T trực tiếp giữ nuôi là phù hợp.

[2.3]. *Về tài sản* : các đương sự không tranh chấp về tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[2.4]. *Về án phí* : căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo) thì bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 51; Điều 54; khoản 1 Điều 56, Luật Hôn N và Gia đình;

- Áp dụng Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo);

Tuyên xử :

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Phạm Huỳnh Như T.

- *Về quan hệ hôn N* : bà Phạm Huỳnh Như T được ly hôn với ông Nguyễn Trọng N .

- *Về con chung* : giao con chung là Phạm Ngọc M Y sinh ngày 28/01/2000 bà Phạm Huỳnh Như T trực tiếp giữ nuôi, việc cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông N được quyền thăm nom con và phải có nghĩa vụ chăm sóc, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá N , tổ chức theo luật định Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi giữ hoặc việc cấp dưỡng nuôi con

- *Về tài sản* : không yêu cầu tòa án giải quyết.

2. Về án phí : bà Phạm Huỳnh Như T phải chịu án phí hôn N và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0032513 ngày 21/10/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận P. Bà T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo :

Bà Phạm Huỳnh Như T và ông Nguyễn Trọng N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận :

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Quận P;
- Chi cục Thi hành án Dân sự Quận P;
- UBND PX, QY;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Minh Thảo